

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYỀN HÓA  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2025

*“V/v: Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Phúc Tuệ và ông Đinh Xuân Phẫu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Hải - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Cao Mỹ Giang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1997;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1995;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình, hiện đang chấp hành án tại Phân trại số M, Trại giam N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai có xác nhận của Trại giam N trong đó thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14/10/2024, bản tự khai ngày 12/11/2024 và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh B yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/9/2016. Sau kết hôn, chị và anh B chung sống tại nhà bố mẹ anh B ở thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh B ngoại tình, không chung thủy nên thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Chị T thừa nhận vợ, chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày 26/11/2016 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 08/6/2019, hiện đang sinh sống cùng chị T. Sau ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom cả hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con, hơn nữa anh B là phạm nhân đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thanh B: Tại phiên tòa anh B vắng mặt, nhưng trong bản tự khai ngày 24/02/2025, anh B nêu ý kiến như sau: Do anh đang chấp hành án tại Phân trại số M, Trại giam N, không thể trực tiếp đến Tòa án trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa xét xử nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Về nội dung đơn ly hôn của chị T: Anh B thừa nhận quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng như chị T đã trình bày nên chị T yêu cầu ly hôn, anh B chấp nhận.

Về con chung: Anh B thừa nhận vợ, chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày 26/11/2016 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 08/6/2019, hiện đang sinh sống cùng chị T. Sau ly hôn, anh B nhất trí giao hai con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, vì hiện anh B đang chấp hành án nên không có điều kiện, khả năng để nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Thanh B; về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày 26/11/2016 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 08/6/2019 do anh B là phạm nhân đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi con

và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh B đều vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, có tài liệu, chứng cứ thể hiện anh B đang chấp hành án tại Phân Trại số M, Trại giam N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án đã tiến hành thụ thập chứng cứ (Bản tự khai ngày 24/02/2025), trong văn bản này, anh B nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với nguyên đơn chị T, trong quá trình giải quyết có mặt, tại phiên tòa vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn anh B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị T và anh B, thì chị T và anh B đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/9/2016, do đó hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau kể từ năm 2021, không ai quan tâm đến ai, nhất là từ khi anh B đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam N. Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn, bị đơn anh B chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã hòa giải, vận động chị T rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Mặt khác, hiện chị T đang sống ngoài xã hội, một mình trực tiếp nuôi con còn anh B đang phải chấp hành án tại Trại giam nên

mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị T và anh B thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày 26/11/2016 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 08/6/2019, hiện tại hai con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, sinh sống tại xã V, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B trong bản tự khai nêu ý kiến, sau ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì chị T có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu, hơn nữa anh là phạm nhân đang chấp hành án hình phạt tù nên không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện về kinh tế, các điều kiện khác, cũng như xem xét người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hiện tại thì chị T có điều kiện hơn anh B, yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con được bị đơn anh B chấp nhận là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn và bị đơn cũng như các điều kiện sống khác của con chung tại thời điểm hiện nay. Vì vậy, cần giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con cũng như quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2. Giao hai con chung Nguyễn Trần Bảo Q, sinh ngày 26/11/2016 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 08/6/2019 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Trần Thị T có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai số 0000147 ngày 16/10/2024 (Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện Hóa;
- (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**